

Hải Phòng, ngày 12 tháng 10 năm 2021

## GIẤY ỦY QUYỀN

(Số: 52.../TASA-UQ)

- Căn cứ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ vào quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải;
- Căn cứ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty,

### Người uỷ quyền: Ông Đàm Mạnh Cường

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 092084002925 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 30/12/2016.

### Người được uỷ quyền: Ông Phan Thanh Bình

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.

CCCD số: 031069006598 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/12/2019.

### Nội dung uỷ quyền:

1. Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ông Đàm Mạnh Cường uỷ quyền cho Ông Phan Thanh Bình ký Báo cáo tài chính và các văn bản giải trình liên quan đến Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trước Người uỷ quyền, Công ty và trước pháp luật về công việc được uỷ quyền.
3. Thời hạn uỷ quyền: Việc uỷ quyền này có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày ký giấy uỷ quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thanh Bình

NGƯỜI ỦY QUYỀN  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đàm Mạnh Cường

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **08**/CV-TASADH-2022

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

(V/v: Giải trình chênh lệch BCTC hợp nhất năm  
2021 trước và sau kiểm toán)

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 đường đi Đình Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP Hải Phòng
4. Điện thoại: 0225.3798895 Fax: 0225.3798895

Chúng tôi xin được giải trình về một số chênh lệch giữa BCTC hợp nhất năm 2021 trước và sau kiểm toán như sau:

**I. Số liệu Bảng cân đối kế toán hợp nhất:**

1. Phải thu khác:

Chỉ tiêu	Sau Kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ %
Phải thu ngắn hạn khác	222.527.539.584	182.527.539.584	40.000.000.000	
Phải thu dài hạn khác	473.808.000	40.473.808.000	(40.000.000.000)	

Chênh lệch số liệu do phân loại lại các khoản phải thu khác

2. Tài sản cố định:

Chỉ tiêu	Sau Kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ %
- Tài sản cố định hữu hình	5.865.648.980	4.460.589.759		
Nguyên giá	7.948.707.966	6.388.643.361	1.560.064.605	20%
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.083.058.986)	(1.928.053.602)	(155.005.384)	7%
- Tài sản cố định vô hình	6.845.598.400	8.084.537.095		
Nguyên giá	6.923.995.260	8.423.995.260	(1.500.000.000)	-22%
Giá trị hao mòn lũy kế	(78.396.860)	(339.458.165)	261.061.305	-333%

Chênh lệch số liệu là do phân loại lại các Tài sản cố định của Công ty con.

3. Vay và nợ thuê tài chính

Chỉ tiêu	Sau Kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	40.779.571.464	41.871.414.316	1.091.842.852	
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.516.295.578	2.424.460.726	1.091.834.852	

Chênh lệch số liệu do phân loại lại các khoản vay và nợ thuê tài chính của Công ty con.



## II. Số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

### 1. Thu nhập khác

Chi tiêu	Sau Kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ %
Thu nhập khác	1,789,463,528	1,410,607,436	378,856,092	27%

Chênh lệch số liệu do ghi tăng thu nhập khác chưa thực hiện của các năm trước.

### 2. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi tiêu	Sau Kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ %
(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	(215.407.287)	0	(215.407.287)	100%

Chênh lệch số liệu do ghi nhận giảm thuế thu nhập hoãn lại từ các khoản dự phòng đầu tư tài chính Công ty đã trích lập từ các năm trước.

### 3. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát:

Chi tiêu	Sau Kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	(653.299.011)	0	(653.299.011)	100%

Chênh lệch số liệu do điều chỉnh phần lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát tại Công ty con.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phan Thanh Bình*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **09**/CV-TASA DH - 2022

Hải Phòng, ngày 30 tháng 03 năm 2022

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD giữa  
BCTC Hợp nhất sau kiểm toán năm 2021 và  
BCTC hợp nhất sau kiểm toán năm 2020 )

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường đi Đình Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP Hải Phòng.
4. Điện thoại: 02253.978.895 FAX: 02253.978.895

( Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất sau kiểm toán	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	242,577,282,399	170,252,143,738	72,325,138,661	42.48%
Giá vốn hàng bán	213,538,407,639	134,018,852,513	79,519,555,126	59.33%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29,038,874,760	36,233,291,225	(7,194,416,465)	-19.86%
Doanh thu hoạt động tài chính	75,565,460,535	2,902,704,274	72,662,756,261	2503.28%
Chi phí tài chính	397,969,344	56,949,640	341,019,704	598.81%
Chi phí bán hàng	321,146,521	176,927,695	144,218,826	81.51%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	51,015,566,993	19,508,626,057	31,506,940,936	161.50%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52,869,652,437	19,393,492,107	33,620,379,156	173.36%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	46,789,899,934	17,860,519,790	28,929,380,144	161.97%



chính từ các Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Hợp tác đầu tư với các Khách hàng. Vì vậy, Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 tăng 2503.28% so với năm 2020. Năm 2020, không có khoản doanh thu tài chính này.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*[Handwritten signature in blue ink]*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phan Thanh Bình*



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

---

**Tháng 3 năm 2022**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 36

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Thành viên HĐQT từ ngày 24 tháng 4 năm 2021, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 11 tháng 10 năm 2021)
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Thành viên HĐQT từ ngày 25 tháng 9 năm 2021, bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 11 tháng 10 năm 2021)
Ông Phan Thanh Bình	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Thành viên HĐQT từ ngày 20 tháng 4 năm 2019, bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 11 tháng 10 năm 2021)
Ông Đào Việt Anh	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 11 tháng 10 năm 2021, Thành viên HĐQT từ ngày 11 tháng 10 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2021)
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2021, miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2021)
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2021)
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2021)
Ông Tạ Minh Nguyễn	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2021)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2021, miễn nhiệm ngày 03 tháng 12 năm 2021)
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2021)
Ông Nguyễn Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2021)

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đàm Mạnh Cường - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 52/TASA-UQ ngày 12 tháng 10 năm 2021.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Phan Thanh Bình**  
**Tổng Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 199 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021, từ trang 04 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Bùi Ngọc Bình**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0657-2018-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**Vũ Mạnh Hùng**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2018-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>363.291.599.162</b>	<b>131.672.650.147</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>9.075.499.110</b>	<b>64.406.958.140</b>
1. Tiền	111		9.075.499.110	13.406.958.140
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	51.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>340.213.700.197</b>	<b>53.483.227.895</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	27.879.637.613	26.067.242.132
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	89.806.523.000	14.565.578.371
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	222.527.539.584	13.731.511.417
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	-	(881.104.025)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>13.804.797.649</b>	<b>12.583.899.415</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.804.797.649	12.583.899.415
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>197.602.206</b>	<b>1.198.564.697</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	162.439.685	579.566.495
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.162.521	534.209.193
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	-	84.789.009
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.252.348.692</b>	<b>88.698.768.930</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>473.808.000</b>	<b>127.943.318</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	2.472.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	473.808.000	127.943.318
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	-	(2.472.000.000)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.711.247.380</b>	<b>81.258.604.205</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.865.648.980	75.376.345.148
- Nguyên giá	222		7.948.707.966	196.407.118.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.083.058.986)	(121.030.773.113)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	6.845.598.400	5.882.259.057
- Nguyên giá	228		6.923.995.260	12.418.804.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.396.860)	(6.536.545.899)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>-</b>	<b>668.436.529</b>
- Nguyên giá	231		-	2.429.441.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(1.761.004.996)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.067.293.312</b>	<b>6.643.784.878</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.067.293.312	3.476.768.426
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	85.488.570
3. Lợi thế thương mại	269	15	-	3.081.527.882
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>377.543.947.854</b>	<b>220.371.419.077</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>67.751.542.675</b>	<b>20.167.310.261</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>64.220.247.097</b>	<b>19.403.324.404</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	9.066.712.539	9.753.076.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		9.318.529.501	653.203.967
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.392.160.114	3.145.507.287
4. Phải trả người lao động	314		1.171.001.200	1.427.521.149
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		474.891.471	790.143.022
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	15.090.907
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	854.517.701	3.448.621.290
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	40.779.571.464	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		162.863.107	170.160.767
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.531.295.578</b>	<b>763.985.857</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	15.000.000	463.090.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	3.516.295.578	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	300.895.857
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>20</b>	<b>309.792.405.179</b>	<b>200.204.108.816</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>309.792.405.179</b>	<b>200.204.108.816</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.110.000.000	187.110.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.926.933.100	9.287.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		-	(22.095.490.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		944.565.060	6.737.900.615
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	108.532.185
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.246.799.875	15.599.430.307
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.030.200.930	7.016.533.919
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		36.216.598.945	8.582.896.388
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		35.564.107.144	3.456.376.709
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>377.543.947.854</b>	<b>220.371.419.077</b>



Nguyễn Thu Thủy  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	242.577.282.399	170.252.143.738
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		242.577.282.399	170.252.143.738
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	213.538.407.639	134.018.852.513
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		29.038.874.760	36.233.291.225
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	75.565.460.535	2.902.704.274
7. Chi phí tài chính	22		397.969.344	56.949.640
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		336.559.527	46.595.076
8. Chi phí bán hàng	25	26	321.146.521	176.927.695
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	51.015.566.993	19.508.626.057
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26}	30		52.869.652.437	19.393.492.107
11. Thu nhập khác	31	27	1.789.463.528	1.659.998.279
12. Chi phí khác	32		3.370	43.957.813
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.789.460.158	1.616.040.466
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.659.112.595	21.009.532.573
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	8.084.619.948	3.232.474.614
16. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(215.407.287)	(83.461.831)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		46.789.899.934	17.860.519.790
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		47.443.198.945	17.738.895.052
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(653.299.011)	121.624.738
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.602	1.038

Nguyễn Thu Thủy  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>54.659.112.595</b>	<b>21.009.532.573</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại	02	40.497.081.798	13.999.236.956
Các khoản dự phòng	03	-	1.730.400.000
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	60.490.057	1.498.453
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(77.323.862.081)	(4.506.842.351)
Chi phí lãi vay	06	336.559.527	46.595.076
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	178.265.434
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>18.229.381.896</b>	<b>32.458.686.141</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(172.301.021.377)	(12.144.990.707)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	3.062.529.997	(6.644.890.527)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	62.775.840.644	1.847.473.991
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	773.680.193	(1.537.878.557)
Tiền lãi vay đã trả	14	(336.559.527)	(46.595.076)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.992.970.474)	(2.569.849.106)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.369.056.794)	(665.222.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(95.158.175.443)</b>	<b>10.696.734.159</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(78.114.781.438)	(1.413.920.145)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.428.401.546	1.785.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(120.000.000.000)	(28.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	60.000.000.000	73.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ tiền và tương đương tiền thu về)	25	(88.275.213.372)	(2.085.596.273)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ tiền và tương đương tiền tại các đơn vị chuyển nhượng)	26	201.831.403.986	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18.158.038.047	4.023.425.367
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.972.151.231)</b>	<b>47.308.908.949</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu (i)	31	42.250.064.100	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	30.383.952.000	25.612.004.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.327.208.429)	(25.612.004.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(11.447.449.970)	(15.001.976.565)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>44.859.357.701</b>	<b>(15.001.976.565)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(55.270.968.973)</b>	<b>43.003.666.543</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	64.406.958.140	21.404.756.530
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(60.490.057)	(1.464.933)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>9.075.499.110</b>	<b>64.406.958.140</b>

Ghi chú:

(i) Phản ánh số tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ trong năm.

Nguyễn Thu Thủy  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Phan Thanh Bình  
Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 18 tháng 10 năm 2021.

Công ty có trụ sở tại: số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 187.110.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 67 người.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

**Hoạt động kinh doanh chính:** Thương mại và dịch vụ.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty con (năm giữ trước ngày 30 tháng 6 năm 2021), chi tiết như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá chuyển nhượng	Ngày chuyển nhượng
Công ty TNHH Container Minh Thành	TP. Hải Phòng	60.990.000.000	31/05/2021
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	TP. Hải Phòng	86.800.000.000	21/05/2021
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	TP. Hải Phòng	32.867.444.563	21/05/2021
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	TP. Hải Phòng	14.510.000.000	07/06/2021
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	6.500.000.000	21/05/2021
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	TP. Hà Nội	2.520.000.000	09/06/2021
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	TP. Hải Phòng	1.000.000.000	09/06/2021
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	TP. Hà Nội	3.060.000.000	09/06/2021

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 3.600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia và sở hữu 50,704% vốn điều lệ của Công ty này. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia trở thành công ty con của Công ty (xem thêm Thuyết minh 4.1).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 01 Chi nhánh phụ thuộc là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải - Chi nhánh Hồ Chí Minh, và 01 Công ty con hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu với thông tin như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	TP. Hồ Chí Minh	50,704%	50,704%

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

##### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

##### *Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí Quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u> Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo chính sách kế toán của Công ty.

##### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán: Đối với hoạt động mua, bán chứng khoán kinh doanh, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá vốn, trong đó giá vốn là giá trị ghi sổ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, giá bán được tính theo giá trị hợp lý của khoản nhận được.

Lãi từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư khoản hợp tác kinh doanh và lãi suất quy định trên hợp đồng.

##### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

STT	Tên đối tượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>	
1	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con đến ngày 31/05/2021
2	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con đến ngày 21/05/2021
3	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con đến ngày 21/05/2021
4	Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con đến ngày 07/06/2021
5	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con đến ngày 21/05/2021
6	Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con đến ngày 09/06/2021
7	Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải	Công ty con đến ngày 09/06/2021
8	Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	Công ty con đến ngày 09/06/2021
9	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	Công ty con từ ngày 30/11/2021
<b>II</b>	<b>Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên Ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị</b>	
<b>III</b>	<b>Các cổ đông lớn</b>	
1	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Không còn là cổ đông lớn từ ngày 28/05/2021
2	Công ty Cổ phần Hàng hải Macs	Không còn là cổ đông lớn từ ngày
3	Công ty Cổ phần HQ Investment Group "HQ Investment"	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 28/05/2021, không còn là cổ đông lớn từ ngày
4	Ông Nguyễn Thành Lê	Không còn là cổ đông lớn từ ngày
5	Ông Lê Hồng Ngọc	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 10/05/2021, không còn là cổ đông lớn từ ngày
6	Ông Phạm Duy Như Quỳnh	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 28/05/2021
7	Ông Đàm Mạnh Cường	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 23/03/2021
8	Ông Nguyễn Duy Đình	Trở thành cổ đông lớn từ ngày 03/08/2021
<b>IV</b>	<b>Các tổ chức khác có liên quan</b>	
1	Công ty TNHH Tân Đại Tiền Bình Thuận	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan (Tiếp theo)**

**IV Các tổ chức khác có liên quan**

2	Công ty Cổ phần Dịch vụ TAZON	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
3	Công ty Cổ phần Oriental Cove	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
4	Công ty Cổ phần AllFarm	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
5	Công ty TNHH Thương mại DeliFarm	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
6	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
7	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Dầu tầm tơ Việt Nam	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
8	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
9	Công ty TNHH Bách Phú Thịnh	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
10	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	Tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị
11	Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer	Tổ chức có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc



PH  
/UY  
HU  
VÀ  
CỔ  
CỔ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. GIAO DỊCH MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

**4.1 Giao dịch hợp nhất kinh doanh:**

*Mua Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia*

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 3.600.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia với giá phí là 72.000.000.000 VND, tương đương với 50,704% vốn điều lệ của Công ty này. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ sở hữu 50,704%. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia là kinh doanh thương mại các sản phẩm xăng dầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang trong quá trình xác định giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả hoặc nợ tiềm tàng có thể xác định được của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia. Giá trị hợp lý được xác định tạm thời của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của công ty này tại ngày mua được trình bày như sau:

	<b>Giá trị hợp lý được xác định tạm thời tại ngày mua (VND)</b>
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.724.786.628
Các khoản phải thu ngắn hạn	54.637.178.875
Hàng tồn kho	14.695.965.463
Tài sản ngắn hạn khác	1.862.598.548
Tài sản cố định	6.453.712.477
Đầu tư tài chính dài hạn	5.100.000.000
	<b>111.474.241.991</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>38.136.816.854</b>
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>73.337.425.137</b>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(36.152.251.828)
Tài sản thuần thuộc sở hữu nhà đầu tư	37.185.173.309
Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 15)	34.814.826.691
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh</b>	<b>72.000.000.000</b>
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con</b>	
Tiền thu về từ công ty con	28.724.786.628
Tiền chi để mua công ty con	(72.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ giao dịch hợp nhất kinh doanh</b>	<b>(43.275.213.372)</b>

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 72.000.000.000 VND được thanh toán bằng tiền. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày mua lần lượt là 532.185.405.041 VND và 4.815.011.309 VND. Lợi nhuận trước thuế kể từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia là (1.193.093.503) VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**4. GIAO DỊCH MUA VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

**4.2 Giao dịch chuyển nhượng:**

Như trình bày tại Thuyết minh số 1, trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần toàn bộ vốn đầu tư tại các công ty con (năm giữ trước ngày 30 tháng 6 năm 2021) cho một đối tác với tổng giá phí là 208.247.444.563 VND. Theo đó, Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại các Công ty con. Công ty đã ghi nhận khoản lãi từ giao dịch chuyển nhượng này trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất với số tiền là 52.487.422.488 VND (Thuyết minh số 25), chi tiết như sau:

	<b>Giá trị sổ sách tại ngày chuyển nhượng (VND)</b>
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.516.040.577
Các khoản phải thu ngắn hạn	118.652.260.096
Hàng tồn kho	10.412.537.233
Tài sản ngắn hạn khác	3.077.639.813
Các khoản phải thu dài hạn	1.493.795.588
Tài sản cố định	78.909.525.357
Tài sản dài hạn khác	2.926.892.288
	<b>226.988.690.952</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>70.422.278.309</b>
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>156.566.412.643</b>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(3.249.521.255)
Tài sản thuần thuộc sở hữu nhà đầu tư	153.316.891.388
Lợi thế thương mại chưa phân bổ	2.443.130.687
Thu nhập từ chuyển nhượng	208.247.444.563
<b>Lãi chuyển nhượng (Thuyết minh số 25)</b>	<b>52.487.422.488</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tiền mặt</b>	<b>3.040.770.266</b>	<b>3.065.990.723</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên hải	962.874.884	1.099.146.686
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	2.077.895.382	
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ		129.741.965
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải		926.406.861
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên hải Hà Nội		77.144.928
Công ty TNHH Container Minh Thành		243.471.766
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải		260.319.546
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải		190.705.359
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên hải		45.359.000
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam		93.694.612
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>6.034.728.844</b>	<b>10.340.967.417</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên hải	4.168.466.486	3.921.223.662
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	1.866.262.358	
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ		2.313.510.879
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải		10.068.567
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên hải Hà Nội		36.590.694
Công ty TNHH Container Minh Thành		97.401.265
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải		592.596.339
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải		1.902.176.755
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên hải		947.170.756
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam		520.228.500
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	-	<b>51.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên hải	-	51.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.075.499.110</u></b>	<b><u>64.406.958.140</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>27.879.637.613</b>	<b>26.067.242.132</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên hải	13.866.625.814	1.440.057.955
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	14.013.011.799	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	-	19.392.947.787
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	-	1.461.946.566
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên hải Hà Nội	-	716.502.050
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	60.677.392
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	-	1.116.797.950
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	-	1.690.683.837
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên hải	-	-
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	-	187.628.595
<b>Cộng</b>	<b><u>27.879.637.613</u></b>	<b><u>26.067.242.132</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên hải	70.502.904.000	79.427.371
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	19.303.619.000	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	-	16.000.000
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải	-	814.160.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên hải Hà Nội	-	4.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	-	6.164.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	-	3.876.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	-	28.728.000
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên hải	-	4.000.000
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	-	3.579.263.000
<b>Cộng</b>	<b>89.806.523.000</b>	<b>14.565.578.371</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>222.527.539.584</b>	<b>222.527.539.584</b>	<b>13.731.511.417</b>	<b>13.731.511.417</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	157.485.039.584	157.485.039.584	2.004.178.774	2.004.178.774
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	65.042.500.000	65.042.500.000		
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ			6.426.839.329	6.426.839.329
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải			963.027.815	963.027.815
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội			289.526.037	289.526.037
Công ty TNHH Container Minh Thành			14.822.000	14.822.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải			2.341.600.000	2.341.600.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải			908.704.990	908.704.990
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam			782.812.472	782.812.472
<b>b. Dài hạn</b>	<b>473.808.000</b>	<b>473.808.000</b>	<b>127.943.318</b>	<b>127.943.318</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	473.808.000	473.808.000	92.000.000	92.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội			35.943.318	35.943.318
<b>Cộng</b>	<b>223.001.347.584</b>	<b>223.001.347.584</b>	<b>13.859.454.735</b>	<b>13.859.454.735</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		<b>881.104.025</b>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải		881.104.025
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>		<b>2.472.000.000</b>
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải		2.472.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.353.104.025</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Nguyên liệu, vật liệu</b>	-	-	<b>8.328.428</b>	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải			8.328.428	-
<b>b) Hàng hoá</b>	<b>13.804.797.649</b>	-	<b>12.575.570.987</b>	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	84.667.031	-		-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	13.720.130.618	-		-
Công ty TNHH MTV Đa phương thức Duyên hải Hà Nội			32.290.911	-
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam			1.135.423.363	-
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải			664.830.390	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải			10.743.026.323	-
<b>Cộng</b>	<b>13.804.797.649</b>	<b>-</b>	<b>12.583.899.415</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>162.439.685</b>	<b>579.566.495</b>
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	16.363.636	323.333.333
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	8.032.500
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	64.046.940	85.258.769
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	82.029.109	162.941.893
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.067.293.312</b>	<b>3.476.768.426</b>
- Chi phí cái tạo văn phòng	335.708.320	653.983.063
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	162.099.524	795.726.101
- Thiết bị văn phòng và sửa xe	183.677.167	84.464.100
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	1.840.128.099
- Chi phí trả trước dài hạn khác	385.808.301	102.467.063
<b>Cộng</b>	<b>1.229.732.997</b>	<b>4.056.334.921</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**12. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà xưởng và vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	148.463.934.603	9.202.970.775	904.696.302	37.835.516.581	196.407.118.261
Tăng trong năm	2.514.139.525	-	181.662.225	-	2.695.801.750
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.500.000.000	2.862.326.533	119.990.909	1.929.026.727	6.411.344.169
Thanh lý, nhượng bán	-	(489.244.946)	-	(12.374.550.135)	(12.863.795.081)
Giảm do thoái vốn	(150.946.317.103)	(8.682.377.647)	(860.969.028)	(24.212.097.355)	(184.701.761.133)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.531.757.025</b>	<b>2.893.674.715</b>	<b>345.380.408</b>	<b>3.177.895.818</b>	<b>7.948.707.966</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	77.195.891.959	6.817.956.940	783.243.963	36.233.680.251	121.030.773.113
Khấu hao trong năm	4.145.579.172	216.459.176	22.536.648	357.548.187	4.742.123.183
Tăng do hợp nhất kinh doanh	137.500.000	1.121.334.095	17.221.843	347.495.326	1.623.551.264
Thanh lý, nhượng bán	-	(489.244.945)	-	(12.704.550.136)	(13.193.795.081)
Giảm do thoái vốn	(81.328.971.111)	(6.458.572.183)	(753.159.443)	(23.578.890.756)	(112.119.593.493)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>150.000.020</b>	<b>1.207.933.083</b>	<b>69.843.012</b>	<b>655.282.872</b>	<b>2.083.058.986</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	71.268.042.644	2.385.013.835	121.452.339	1.601.836.330	75.376.345.148
Tại ngày cuối năm	1.381.757.005	1.685.741.632	275.537.396	2.522.612.946	5.865.648.980

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.521.511.363 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng (xem Thuyết minh số 19).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
Tăng trong năm	5.258.075.688	-	5.258.075.688
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.665.919.572	-	1.665.919.572
Giảm do thoái vốn	(12.348.804.956)	(70.000.000)	(12.418.804.956)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.923.995.260</b>	<b>-</b>	<b>6.923.995.260</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	6.466.545.899	70.000.000	6.536.545.899
Khấu hao trong năm	253.083.008	-	253.083.008
Giảm do thoái vốn	(6.641.232.047)	(70.000.000)	(6.711.232.047)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>78.396.860</b>	<b>-</b>	<b>78.396.860</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	5.882.259.057	-	5.882.259.057
Tại ngày cuối năm	6.845.598.400	-	6.845.598.400

**14. TĂNG/GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	2.429.441.525	2.429.441.525
Giảm do thoái vốn	(2.429.441.525)	(2.429.441.525)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	1.761.004.996	1.761.004.996
Trích khấu hao trong năm	48.651.721	48.651.721
Giảm do thoái vốn	(1.809.656.717)	(1.809.656.717)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	668.436.529	668.436.529
Tại ngày cuối năm	-	-

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Số tiền
	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm nay	56.960.635.710
Giảm do thoái vốn	(56.960.635.710)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>-</b>
<b>Hao mòn</b>	
Số dư đầu năm nay	53.879.107.828
Phân bổ trong năm	638.397.195
Giảm do thoái vốn	(54.517.505.023)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	3.081.527.882
Tại ngày cuối năm	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>9.066.712.539</b>	<b>9.066.712.539</b>	<b>9.753.076.015</b>	<b>9.753.076.015</b>
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	7.323.631.415	7.323.631.415	213.724.940	213.724.940
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia	1.743.081.124	1.743.081.124		
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ			675.641.794	675.641.794
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải			5.445.330.000	5.445.330.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội			3.535.840	3.535.840
Công ty TNHH Container Minh Thành			186.230.000	186.230.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải			2.093.168.989	2.093.168.989
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải			1.091.551.652	1.091.551.652
Công ty TNHH Công nghệ Logistics Tasa Duyên Hải			-	-
Công ty TNHH Fujiare Malaysia Việt Nam			43.892.800	43.892.800
<b>Cộng</b>	<b>9.066.712.539</b>	<b>9.066.712.539</b>	<b>9.753.076.015</b>	<b>9.753.076.015</b>

Ghi chú:

Các khoản nợ phải trả nêu trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán khi đến hạn.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giảm do thoái vốn	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	84.789.009	13.044.887	-	97.833.896	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	144.240.600	-	144.240.600	-
<b>Cộng</b>	<b>84.789.009</b>	<b>13.044.887</b>	<b>144.240.600</b>	<b>97.833.896</b>	<b>144.240.600</b>	<b>-</b>
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm do thoái vốn	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b. Các khoản phải trả</b>						
Thuế giá trị gia tăng	533.817.360	3.173.653.850	2.778.609.690	1.027.889.857	177.276.851	78.248.514
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.687.175	6.681.399	6.857.314	1.511.260	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	841.823.474	8.084.619.948	5.992.970.474	1.753.828.226	912.457.910	2.092.102.632
Thuế thu nhập cá nhân	68.179.278	843.447.954	678.945.383	10.872.881	-	221.808.968
Thuế đất, tiền thuê đất	1.700.000.000	1.276.157.382	2.567.015.382	409.142.000	-	-
Thuế phí khác	-	15.500.000	15.500.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.145.507.287</b>	<b>13.400.060.533</b>	<b>12.039.898.243</b>	<b>3.203.244.224</b>	<b>1.089.734.761</b>	<b>2.392.160.114</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>854.517.701</b>	<b>3.448.621.290</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.630.400.000
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải		1.630.400.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	631.656.300	610.434.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên hải	631.656.300	610.434.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	222.861.401	1.207.787.290
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên hải	222.861.401	806.576.594
- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ		16.183.729
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải		1.597.600
- Công ty TNHH MTV Vận tải ĐPT Duyên hải Hà Nội		2.033.680
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải		379.929.687
- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải		1.466.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>15.000.000</b>	<b>463.090.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.000.000	463.090.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên hải	15.000.000	18.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên hải		290.000.000
- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải		71.090.000
- Công ty TNHH Container Minh Thành		84.000.000
<b>Cộng</b>	<b>869.517.701</b>	<b>3.911.711.290</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Giá trị	Số cuối năm	Trong năm				Giá trị	Số đầu năm
		Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng	Giảm	Giảm do chuyển nhượng		Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>40.779.571.464</b>	<b>40.779.571.464</b>	<b>29.970.621.464</b>	<b>30.383.952.000</b>	<b>13.883.722.000</b>	<b>5.691.280.000</b>	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Long An (i)	37.598.961.464	37.598.961.464	29.852.261.464	17.057.592.000	9.310.892.000			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ	-	-	-	10.264.110.000	4.572.830.000	5.691.280.000	-	-
Ngân hàng Chính sách Xã hội Quận Tân Bình và Quận 3	180.610.000	180.610.000	118.360.000	62.250.000	-			
Vay cá nhân	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-			
<b>Vay dài hạn</b>	<b>3.516.295.578</b>	<b>3.516.295.578</b>	<b>5.959.782.007</b>	<b>-</b>	<b>2.443.486.429</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Long An (ii)	294.700.000	294.700.000	294.700.000	-	-			
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lãnh Bình Thăng (iii)	2.424.452.726	2.424.452.726	4.856.867.726	-	2.432.415.000			
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh (iv)	797.142.852	797.142.852	808.214.281	-	11.071.429			
<b>Tổng</b>	<b>44.295.867.042</b>	<b>44.295.867.042</b>	<b>35.930.403.471</b>	<b>30.383.952.000</b>	<b>16.327.208.429</b>	<b>5.691.280.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

- (i) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An, mục đích vay để bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động kinh doanh, lãi suất, phí được xác định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo khoản vay: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở & Quyền sử dụng đất của ông Lê Trung Dũng - Giám đốc Công ty con - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia.
- (ii) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long An, mục đích vay để mua xe ô tô, lãi suất điều chỉnh lãi suất sẽ theo văn bản nhận nợ của ngân hàng. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – CN Lãnh Binh Thăng, mục đích vay để bổ sung vốn, bù đắp chi phí đầu tư cửa hàng xăng dầu tại Thửa đất số 1657, Tờ bản đồ số 7 tại ấp Hưng Điền B, huyện Tân Hưng, tỉnh Vĩnh Long, lãi suất được thể hiện trong từng giấy nhận nợ cụ thể và được điều chỉnh theo thông báo của HDBank trong thời gian vay. Tài sản đảm bảo là bất động sản tọa lạc tại số 61/10 (số mới: 76/8) đường Trần Quốc Tuấn, Phường 1, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Lâm Quốc Hùng và bà Bùi Thị Nguyệt.
- (iv) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, mục đích vay để mua xe phụ vụ việc đi lại và chuyên chở cán bộ công nhân viên của Công ty con - Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia, lãi suất từ ngày 22/12/2020 đến ngày 22/12/2021 là 6.5%; từ thời hạn tiếp theo đến ngày 22/12/2027 là lãi suất LIBOR 3 tháng cộng (+) 2%/năm, điều chỉnh lãi suất sẽ theo văn bản nhận nợ của TPBANK. Tài sản đảm bảo: Xe KIA SORENTO MQ4 2.2 DCT AH6 theo Hợp đồng mua xe KIA0436/2020/HĐMB-SORENTO/CTCPDVPN ngày 04/11/2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI**Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2,  
Quận Hải An, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	187.110.000.000	9.287.359.500	(22.095.490.500)	6.585.394.258	70.539.052	14.094.237.591	430.666.889	195.482.706.790
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	2.939.465.502	2.939.465.502
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	17.738.895.052	121.624.738	17.860.519.790
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	152.506.357	49.596.839	(15.306.968.436)	(36.152.565)	(15.141.017.805)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	306.186.294	-	-	306.186.294
Chi Quỹ và chi khác	-	-	-	-	(317.790.000)	(133.264.000)	772.145	(450.281.855)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(793.469.900)	-	(793.469.900)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>187.110.000.000</b>	<b>9.287.359.500</b>	<b>(22.095.490.500)</b>	<b>6.737.900.615</b>	<b>108.532.185</b>	<b>15.599.430.307</b>	<b>3.456.376.709</b>	<b>200.204.108.816</b>
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	36.152.251.828	36.152.251.828
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	47.443.198.945	(653.299.011)	46.789.899.934
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	197.346.977	69.418.208	(12.064.447.606)	(99.225.230)	(11.896.907.651)
Tăng quỹ từ lợi nhuận công ty con	-	-	-	-	320.129.901	-	-	320.129.901
Tăng/(giảm) do thoái vốn	-	485.000.000	-	(5.994.212.090)	-	5.548.113.409	(3.288.422.574)	(3.249.521.255)
Bán cổ phiếu quỹ	-	20.154.573.600	22.095.490.500	-	-	-	-	42.250.064.100
Chi Quỹ và chi khác	-	-	-	-	(498.080.294)	(279.351.000)	-	(777.431.294)
Tăng/(giảm) do thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	-	3.529.558	-	45.020	(3.574.578)	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(189.200)	-	(189.200)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>187.110.000.000</b>	<b>29.926.933.100</b>	<b>-</b>	<b>944.565.060</b>	<b>-</b>	<b>56.246.799.875</b>	<b>35.564.107.144</b>	<b>309.792.405.179</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

(i) Khoản phân phối lợi nhuận gồm có:

- a. Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ: Thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 16/2021/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 10 năm 2021 như sau:

	<u>Số tiền</u>
	VND
Chi trả cổ tức 2020	121.624.738
Tạm chi cổ tức 2021	11.226.600.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	104.132.987
Quỹ đầu tư phát triển	69.418.208
Quỹ phát triển thị trường (Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu)	69.418.208
	<u>11.591.194.141</u>

- b. Trích quỹ tại các công ty con với tổng số tiền là 473.253.465 VND.

Số cổ tức Công ty và các Công ty con đã trả trong năm là 11.447.449.970 VND.

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	18.711.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	1.982.924
+ Cổ phiếu phổ thông	-	1.982.924
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.711.000	16.728.076
+ Cổ phiếu phổ thông	18.711.000	16.728.076
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá (VND)	10.000	10.000

**Tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng**

Theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 4 năm 2015:

Số lượng chứng khoán chào bán	3.303.000	Cổ phiếu
Giá trị cổ phiếu theo giá chào bán	37.984.500.000	VND
Chi phí phát hành cổ phiếu	142.000.000	VND
Tổng số lượng huy động vốn từ đợt chào bán	37.842.500.000	VND
Ngày hoàn thành đợt chào bán	24/07/2015	

Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán, Công ty đã nhận chuyển nhượng 51% vốn góp tại Công ty TNHH Fujiaire Việt Nam với số tiền 3.060.000.000 VND.

Số tiền còn lại 34.782.500.000 VND, Công ty đã góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải trong năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

**Khu vực địa lý**

Trong năm, hoạt động của Công ty diễn ra tại khu vực Miền Bắc (bao gồm Công ty và các Công ty con nắm giữ quyền kiểm soát trước ngày 30/6/2021) và khu vực Miền Nam (Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Năng lượng Hoàng Gia), trong lãnh thổ Việt Nam. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty được trình bày như sau:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Nam	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	201.548.765.563	82.653.864.501	(41.625.347.665)	242.577.282.399
Lợi nhuận trước thuế	50.033.773.734	(1.193.093.503)	5.818.432.364	54.659.112.595
Tổng tài sản	321.543.273.553	128.000.674.301	(72.000.000.000)	377.543.947.854
Nợ phải trả	11.895.200.009	55.856.342.666	-	67.751.542.675

**Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ CFS, dịch vụ bãi, dịch vụ vận chuyển...

Kinh doanh khác: Bán hàng hóa, thành phẩm,...

Thông tin về kết quả kinh doanh về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị: VND

Năm nay	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	Lợi nhuận gộp theo bộ phận
Kinh doanh dịch vụ	157.167.293.909	128.466.100.426	28.701.193.483*
Kinh doanh thương mại	85.409.988.490	85.072.307.213	337.681.277
<b>Cộng</b>	<b>242.577.282.399</b>	<b>213.538.407.639</b>	<b>29.038.874.760</b>

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	85.409.988.490	5.768.732.915
Doanh thu bãi	19.367.676.591	32.245.387.505
Doanh thu vận tải	89.206.590.438	92.794.830.586
Doanh thu khai thác CFS	10.299.771.019	20.016.102.797
Doanh thu dịch vụ khác	38.293.255.861	19.427.089.935
<b>Cộng</b>	<b>242.577.282.399</b>	<b>170.252.143.738</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	85.072.307.213	4.518.620.556
Giá vốn bãi	14.009.087.761	25.726.051.067
Giá vốn dịch vụ vận tải	68.228.845.362	71.882.039.462
Giá vốn khai thác CFS	8.584.109.585	16.988.603.848
Giá vốn dịch vụ khác	37.644.057.718	14.903.537.580
<b>Cộng</b>	<b>213.538.407.639</b>	<b>134.018.852.513</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.059.094.413	4.513.461.739
Chi phí nhân công	14.317.293.438	18.515.711.402
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.862.024.314	12.486.527.373
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.846.457.874	103.979.621.467
Chi phí khác bằng tiền	5.113.838.415	6.427.354.145
Lợi thế thương mại	35.453.223.886	1.532.709.583
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	1.730.400.000
<b>Cộng</b>	<b>219.651.932.340</b>	<b>149.185.785.709</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	545.870.310	2.885.685.641
Lãi chuyển nhượng vốn	52.487.422.488	-
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	11.891.481.900	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	17.018.633
Lãi Hợp đồng Hợp tác kinh doanh	10.204.500.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	436.185.837	-
<b>Cộng</b>	<b>75.565.460.535</b>	<b>2.902.704.274</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>51.015.566.993</b>	<b>19.508.626.057</b>
Chi phí nhân viên	7.689.302.715	6.315.328.802
Chi phí khấu hao tài sản cố định	366.832.365	560.203.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.771.713.943	5.930.459.712
Thuế phí, lệ phí	1.318.819.710	3.279.016.400
Chi phí bằng tiền khác	2.415.674.374	160.507.783
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	1.730.400.000
Lợi thế thương mại (i)	35.453.223.886	1.532.709.583
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>321.146.521</b>	<b>176.927.695</b>
Chi phí nhân viên	305.816.522	63.090.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	21.638.800
Chi phí bằng tiền khác	15.329.999	92.197.986

Ghi chú:

- (i) Bao gồm lợi thế thương mại 34.814.826.691 VND phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh trong năm (trình bày tại Thuyết minh 4.1) và lợi thế thương mại phân bổ trong năm 638.397.195 (trình bày tại Thuyết minh 15).

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.758.401.546	1.621.156.710
Các khoản khác	31.061.982	38.841.569
<b>Cộng</b>	<b>1.789.463.528</b>	<b>1.659.998.279</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	6.330.791.722	565.031.923
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	1.019.190.820	1.544.850.244
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	470.254.901	766.884.245
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	86.615.356	156.874.095
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	177.767.149	171.802.583
Công ty TNHH Fujiaire Malaysia Việt Nam	-	27.031.524
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.084.619.948</b>	<b>3.232.474.614</b>

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.443.198.945	17.738.895.052
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và khác (i)	2.372.159.947	383.483.987
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.071.038.998	17.355.411.065
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	17.323.454	16.728.076
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.602</b>	<b>1.038</b>

Ghi chú:

- (i) Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Số liệu so sánh năm trước được trình bày lại do trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2021 (Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 là 1.037 VND/cổ phiếu).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	44.295.867.042	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	9.075.499.110	64.406.958.140
Nợ thuần	35.220.367.932	-
Vốn chủ sở hữu	309.792.405.179	200.204.108.816
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,11</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.075.499.110	64.406.958.140	9.075.499.110	64.406.958.140
Phải thu khách hàng và phải thu khác	250.880.985.197	42.398.696.867	250.880.985.197	42.398.696.867
<b>Tổng cộng</b>	<b>259.956.484.307</b>	<b>106.805.655.007</b>	<b>259.956.484.307</b>	<b>106.805.655.007</b>

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	44.295.867.042	-	44.295.867.042	-
Phải trả người bán và phải trả khác	9.936.230.240	13.664.787.305	9.936.230.240	13.664.787.305
Chi phí phải trả	474.891.471	790.143.022	474.891.471	790.143.022
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.706.988.753</b>	<b>14.454.930.327</b>	<b>54.706.988.753</b>	<b>14.454.930.327</b>

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.075.499.110	-	-	9.075.499.110
Phải thu khách hàng và phải thu khác	250.407.177.197	473.808.000	-	250.880.985.197
<b>Tổng cộng</b>	<b>259.482.676.307</b>	<b>473.808.000</b>	-	<b>259.956.484.307</b>
Các khoản vay	40.779.571.464	3.516.295.578	-	44.295.867.042
Phải trả người bán và phải trả khác	9.921.230.240	15.000.000	-	9.936.230.240
Chi phí phải trả	474.891.471	-	-	474.891.471
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.175.693.175</b>	<b>3.531.295.578</b>	-	<b>54.706.988.753</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>208.306.983.132</b>	<b>(3.057.487.578)</b>	-	<b>205.249.495.554</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.406.958.140	-	-	64.406.958.140
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.798.753.549	2.599.943.318	-	42.398.696.867
<b>Tổng cộng</b>	<b>104.205.711.689</b>	<b>2.599.943.318</b>	<b>-</b>	<b>106.805.655.007</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	13.201.697.305	463.090.000	-	13.664.787.305
Chi phí phải trả	790.143.022	-	-	790.143.022
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.991.840.327</b>	<b>463.090.000</b>	<b>-</b>	<b>14.454.930.327</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>90.213.871.362</b>	<b>2.136.853.318</b>	<b>-</b>	<b>92.350.724.680</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**31. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập, thù lao, thưởng của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và người quản lý khác trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Đàm Mạnh Cường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 11/10/2021	34.384.308	-
Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến ngày 11/10/2021, sau đó là Thành viên Hội đồng Quản trị	113.308.000	113.000.000
Ông Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ ngày 11/10/2021	6.577.000	-
Ông Lê Thái Cường	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị đến ngày 29/3/2021	115.000.000	387.000.000
Ông Phan Thanh Bình	Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	447.159.000	463.667.000
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 24/04/2021 đến ngày 01/09/2021	12.692.308	-
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 01/09/2021	6.577.000	-
Ông Trần Tuấn Hùng	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đến ngày 01/09/2021	28.238.462	43.400.000
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đến ngày 05/3/2021	9.662.000	39.800.000
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 31/5/2021	158.324.634	341.481.468
Ông Nguyễn Đình Tùng	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 29/3/2021	98.219.000	241.141.000
Ông Phạm Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 22/03/2021 đến ngày 03/12/2021	-	-
Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng	279.923.000	230.150.000
<b>Cộng</b>		<b>1.310.064.712</b>	<b>1.859.639.468</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/2021/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 12 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa chào bán cổ phiếu ra công chúng.

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.



**Nguyễn Thu Thủy**  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2022



**Nguyễn Thu Thủy**  
Kế toán trưởng



**Phan Thanh Bình**  
Tổng Giám đốc